

Số:/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty cổ phần Công trình Viettel;
- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông số/BB-ĐHĐCĐ ngày

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo số 02/BC-ĐHĐCĐ ngày 01/04/2022 của Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động 2021, định hướng năm 2022.

Điều 2. Thông qua Báo cáo số 03/BC-ĐHĐCĐ ngày 01/04/2022 của Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022.

Một số chỉ tiêu chính như sau:

2.1. Kết quả kinh doanh năm 2021.

- **Số liệu công ty hợp nhất:**

TT	Tên chỉ tiêu	TH 2020	TH 2021			So với 2020	
			KH	TH	%KH	Δ	%Δ
I	Chỉ tiêu tài chính						
1	Tổng doanh thu (tỷ đồng)	6.380	6.600	7.461	113%	1.081	16,9%
2	Tổng chi phí (tỷ đồng)	6.035	6.249	6.990	112%	954	15,8%
3	LNTT (tỷ đồng)	345,1	351,0	471,6	134%	126	36,6%
4	LNST (tỷ đồng)	274,2	276,0	375,3	136%	101	36,9%
II	Chỉ tiêu hiệu quả						
1	ROA (%)	8,7%	5,8%	9,6%	165%	0,9%	10,0%
2	ROE (%)	28,4%	24,8%	31,6%	128%	3,2%	11,4%

- **Số liệu công ty mẹ:**

TT	Tên chỉ tiêu	TH 2020	TH 2021			So với 2020	
			KH	TH	%KH	Δ	%Δ
I	Chỉ tiêu tài chính						
1	Tổng doanh thu (tỷ đồng)	6.033	6.010	6.669	111%	636	10,5%
2	Tổng chi phí (tỷ đồng)	5.700	5.673	6.217	110%	517	9,1%
3	LNTT (tỷ đồng)	333,2	337,0	451,8	134%	119	35,6%
4	LNST (tỷ đồng)	268,7	269,0	364,6	136%	96	35,7%
II	Chỉ tiêu hiệu quả						

1	ROA (%)	9,0%	6,7%	10,0%	149%	1,0%	10,7%
2	ROE (%)	28,3%	24,4%	31,2%	128%	2,9%	10,2%

2.2. Kế hoạch kinh doanh năm 2022:

- Chỉ tiêu hợp nhất

TT	Chỉ tiêu hợp nhất	TH 2021	KH 2022	So với 2021	
				Δ	%Δ
I	Chỉ tiêu tài chính				
1	Tổng doanh thu	7.461	8.586	1.125	15%
2	Tổng chi phí (tỷ đồng)	6.990	8.069	1.079	15%
3	LNTT (tỷ đồng)	471,6	517,6	46	10%
4	LNST	375,3	413,8	38	10%
II	Chỉ tiêu hiệu quả				
1	ROA (%)	9,6%	9,0%	-0,5%	-5,5%
2	ROE (%)	31,6%	28,8%	-2,8%	-8,8%

- Chỉ tiêu công ty mẹ

TT	Chỉ tiêu công ty mẹ	TH 2021	KH 2022	So với 2021	
				Δ	%Δ
I	Chỉ tiêu tài chính (tỷ đồng)				
1	Tổng doanh thu	6.669	7.607	938	14%
2	Tổng chi phí (tỷ đồng)	6.217	7.109	891	14%
3	LNTT (tỷ đồng)	451,8	498,2	46	10%
4	LNST	364,6	399,4	35	10%
II	Chỉ tiêu hiệu quả (%)				
1	ROA	10,0%	9,9%	-0,1%	-0,7%
2	ROE	31,2%	29,45%	-1,7%	-5,6%

Điều 3. Thông qua Báo cáo số 05/BC-ĐHĐCĐ ngày 01/04/2022 của Ban kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.

Điều 5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2021. Cụ thể:

I. Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2021

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021 (Triệu đồng)	Tỷ trọng	
			%/VĐL	%/LNST
1	Vốn điều lệ đầu kỳ:	929.239		
2	Tổng LNST dùng để phân phối:	364.648	39,2%	

-	LNST thực hiện trong kỳ	364.612		
-	LNST chưa phân phối kỳ trước	36		
-	Quỹ ĐTPPT tại Công ty mẹ		0,0%	
3	Đề xuất cơ cấu phân phối lợi nhuận:			
3.1	Trích quỹ ĐTPPT	-		
3.2	Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	54.692	5,9%	15,0%
3.3	Trích thưởng BĐH, HĐQT, BKS	2.200	0,2%	0,6%
3.4	Trả cổ tức :	307.756	<u>33,1%</u>	
*	Trả cổ tức bằng tiền mặt	92.924	10,0%	
*	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	214.833	23,1%	
4	LNST còn lại chưa phân phối:	-	0%	
5	Vốn điều lệ sau khi tăng vốn:	1.144.071		

- ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT, BKS xem xét, quyết định mức thưởng, hình thức thưởng và phương án thưởng cụ thể cho mục 3.3 của Tổng Công ty.

- Đối với việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: Giao Tổng Giám đốc Tổng công ty phân bổ tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi trên cơ sở nhu cầu chi thực tế và quy định pháp luật và nội bộ của Tổng công ty

II. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức

1. Phương án phát hành

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông với phương án như sau:

- Tên cổ phiếu: Tổng công ty cổ phần Công trình Viettel
- Loại cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số cổ phần hiện có: 92.923.873 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 21.465.414 cổ phiếu (Tương đương 23,1% tổng số cổ phần hiện có)
- Tỷ lệ thực hiện: 1.000:231 (mỗi cổ đông sở hữu 1.000 cổ phần tại ngày chốt danh sách cổ đông sẽ được thưởng thêm 231 cổ phần mới)
- Nguồn vốn phát hành: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền.
- Ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền: Đại hội cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn thời điểm thích hợp, căn cứ vào tình hình thị trường và hoạt động của Tổng công ty, đảm bảo đúng các quy định của Pháp luật hiện hành.
- Phương thức thực hiện: Cổ đông có tên trong danh sách vào ngày chốt danh sách cổ đông sẽ được nhận số lượng cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ thực hiện.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số lượng cổ phiếu phát hành sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ thập phân (nếu có phát sinh) sẽ bị hủy bỏ và ghi nhận bổ sung vào lợi nhuận chưa phân phối và để lại năm sau.
- Thời gian dự kiến phát hành: Trong năm 2022 (sau khi được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận phương án).

2. Tổ chức thực hiện

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng Công ty quyết định các vấn đề sau và giao cho Tổng Giám đốc Tổng Công ty tiến hành:

- Thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của Pháp luật để thực hiện việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và quyết định việc xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh.
- Thực hiện các thủ tục để thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội; Thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đối với số lượng cổ phiếu phát hành thành công.
- Chủ động sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty theo quy mô vốn điều lệ tăng thêm và báo cáo Đại hội đồng cổ đông vào phiên họp gần nhất.

Điều 6. Đại hội ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một Công ty Kiểm toán trong danh sách các công ty sau theo đề xuất của Ban Kiểm soát và giao Tổng Giám đốc ký kết hợp đồng dịch vụ kiểm toán với Công ty Kiểm toán được chọn để thực hiện kiểm toán hoặc soát xét Báo cáo tài chính bán niên (6 tháng) và Báo cáo tài chính năm 2022 của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật. Danh sách các công ty bao gồm:

- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC
- Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Điều 7. Thông qua tờ trình mức thù lao cho Hội đồng quản trị, tiểu ban thư ký, Ban kiểm soát năm 2021 và đề xuất mức thù lao cho năm 2022 như sau:

1. Quyết toán thù lao, lương Hội đồng quản trị, tiểu ban thư ký và Ban kiểm soát năm 2021:

a. Hội đồng quản trị, tiểu ban thư ký: Tổng mức thù lao, lương năm 2021 là: 2,1 tỷ đồng trong đó:

- **Thù lao cho thành viên HĐQT không chuyên trách:**

- + Thù lao cho Chủ tịch HĐQT: 10 triệu đồng/tháng.

- + Thù lao cho các thành viên HĐQT khác: 7 triệu đồng/người/tháng.

- **Lương cho thành viên Hội đồng quản trị, Tiểu ban Thư ký chuyên trách:**

Thực hiện chi trả theo Quy chế lương của Tổng công ty và thực hiện đúng theo Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua.

b. Ban Kiểm soát: Tổng mức thù lao, lương năm 2021 là: 2,09 tỷ đồng trong đó:

- **Thù lao cho Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách:**

- + Thù lao cho Trưởng Ban Kiểm soát: 2 triệu đồng/tháng.

- + Thù lao cho các thành viên BKS khác: 1 triệu đồng/người/tháng.

- **Lương cho Ban Kiểm soát chuyên trách:**

Thực hiện chi trả theo Quy chế lương của Tổng công ty và thực hiện đúng theo Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua.

c. Chi phí hoạt động 2021: Tổng chi phí hoạt động 2021 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: 882 triệu đồng.

2. Đề xuất mức thù lao, lương cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký Hội đồng quản trị năm 2022:

2.1. Đề xuất Thù lao, lương của HĐQT, Tiểu ban thư ký:

Dự kiến tổng mức thù lao, lương của HĐQT, Tiểu ban thư ký năm 2022 là 3,2 tỷ đồng, trong đó:

- Thù lao cho Thành viên HĐQT, Thư ký không chuyên trách:

- + Thù lao cho Chủ tịch HĐQT: 10 triệu đồng/tháng

- + Thù lao cho các thành viên HĐQT khác: 7 triệu đồng/người/tháng.

- + Thù lao cho thư ký HĐQT không chuyên trách: 5 triệu đồng/người/tháng.

- Lương cho Thành viên HĐQT, tiểu ban thư ký chuyên trách: Chi trả theo Quy chế lương và các Quy chế nội bộ của Tổng công ty trên cơ sở kết quả hoàn thành sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, đảm bảo nguyên tắc tốc độ tăng

lương của người quản lý không được vượt quá tốc độ tăng lương của người lao động.

Thù lao cho thành viên HĐQT độc lập (nếu có): Thỏa thuận và Chi trả theo Quy chế lương và các Quy chế nội bộ của Tổng công ty trên cơ sở kết quả hoàn thành sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Do cơ chế thỏa thuận nên trong trường hợp phát sinh lương cho thành viên HĐQT độc lập làm vượt quỹ lương, thù lao cho HĐQT và tiểu ban thư ký thì ĐHĐCĐ chấp thuận cho Công ty chi vượt và báo cáo số thực chi vào kỳ ĐHĐCĐ gần nhất.

2.2. Đề xuất Thù lao, lương của Ban kiểm soát:

Dự kiến tổng mức thù lao, lương của Ban kiểm soát năm 2022 là 2,17 tỷ đồng, trong đó:

- Thù lao cho Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách: 5 triệu đồng/người/tháng.
- Lương cho Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách: Chi trả theo Quy chế lương và các Quy chế nội bộ của Tổng công ty trên cơ sở kết quả hoàn thành sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, đảm bảo nguyên tắc tốc độ tăng lương của người quản lý không được vượt quá tốc độ tăng lương của người lao động.

3. Chi phí phục vụ hoạt động của Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát:

Để thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi quyền hạn và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát sử dụng chi phí tuân thủ theo các Quy chế nội bộ mà Tổng công ty ban hành. Dự kiến chi phí hoạt động 2022 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: 1,2 tỷ đồng.

Điều 8. Thông qua việc chấp thuận Hợp đồng, giao dịch với Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội.

Điều 9. Thông qua nội dung điều chỉnh ngành nghề kinh doanh.

1. Loại bỏ, chi tiết một số ngành nghề kinh doanh đã đăng ký:

Nhằm đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel ở mức 49%, Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel đề xuất:

- Loại bỏ các mã ngành nghề kinh doanh:
 - + 2391: Sản xuất sản phẩm chịu lửa
 - + 2392: Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
 - + 2394: Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao
 - + 4742: Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh
 - + 0730: Khai thác quặng kim loại quý hiếm
 - + 2420: Sản xuất kim loại màu và kim loại quý
- Chi tiết các mã ngành nghề kinh doanh: 4651, 4659, 4652, 4663, 4752, 4610, 4741, 4759, 6810, 7120, 7820, 7830, 4221, 5229.

2. Bổ sung ngành nghề kinh doanh mới:

2.1. Kinh doanh dịch vụ giải pháp và sản phẩm lọc nước, xử lý nước, hệ thống cung cấp nước, hệ thống tưới tiêu. Mã ngành bổ sung:

- 3600: Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

- 3700: Thoát nước và xử lý nước thải

2.2. Cung cấp, lắp đặt thiết bị dành cho nhà xưởng, khu công nghiệp. Mã ngành bổ sung: 3320: Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp

Điều 10. Thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel.

Điều 11. Bổ nhiệm Ông/Bà vào Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Công trình Viettel cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2020-2025 làm thành viên HĐQT độc lập.

Điều 12. Điều khoản thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng Công ty có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nơi nhận:

- UBCK, Sở GDCK HCM;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Các cổ đông qua Website;
- Lưu: VT, HĐQT. Quân 03.

NGUYỄN THANH NAM